Chi tiết mã HS 7212.60.11

Mã HS	7212.60.11
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, đã dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Được dát phủ: / - - Có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo khối lượng: / - - - Dạng đai và dải(SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 07:44:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72126011/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11238
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11238
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11238
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MM)	0% (trừ ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10553
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10504
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10504
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10504
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10504
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10504
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10504
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10556
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10556
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10556

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10556
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10556
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10556
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10557
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10557
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10557
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10557
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10557
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10557
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10558
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10510
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F10516
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G10516
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H10516
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I10516
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J10516
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K10516
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10541
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10541
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10541
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10541
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10541
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10541
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10594
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10594
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10594

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10594
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10594
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10594
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10579
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10579
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10579
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10579
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10579
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10579
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10579
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10579
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10579
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10579
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10579
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10579
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10596
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10596
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10596
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10596
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10596
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10596
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10595
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10595
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10595
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10595
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10595

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10595
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10542
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10542
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10542
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10542
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10542
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10542
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10542
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10579
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10579
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10579
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10579
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10579
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10579
RCEP B	2022	2022	0	B!D10579
RCEP B	2023	2023	0	B!E10579
RCEP B	2024	2024	0	B!F10579
RCEP B	2025	2025	0	B!G10579
RCEP B	2026	2026	0	B!H10579
RCEP B	2027	2027	0	B!I10579
RCEP C	2022	2022	0	C!D10579
RCEP C	2023	2023	0	C!E10579
RCEP C	2024	2024	0	C!F10579
RCEP C	2025	2025	0	C!G10579
RCEP C	2026	2026	0	C!H10579
RCEP C	2027	2027	0	C!I10579

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10578
RCEP D	2023	2023	0	D!E10578
RCEP D	2024	2024	0	D!F10578
RCEP D	2025	2025	0	D!G10578
RCEP D	2026	2026	0	D!H10578
RCEP D	2027	2027	0	D!I10578
RCEP E	2022	2022	0	E!D10582
RCEP E	2023	2023	0	E!E10582
RCEP E	2024	2024	0	E!F10582
RCEP E	2025	2025	0	E!G10582
RCEP E	2026	2026	0	E!H10582
RCEP E	2027	2027	0	E!I10582
RCEP F	2022	2022	0	F!D10579
RCEP F	2023	2023	0	F!E10579
RCEP F	2024	2024	0	F!F10579
RCEP F	2025	2025	0	F!G10579
RCEP F	2026	2026	0	F!H10579
RCEP F	2027	2027	0	F!I10579
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9786
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9786
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9786
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9786

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7212.60 có 5 dòng thuế; dòng 7212.60.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng đai và dải(SEN).	7212.60.12 Loại khác, chiều dày không quá 1,5 mm; 7212.60.19 Loại khác; 7212.60.91 Dạng đai và dải(SEN); 7212.60.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm thép cuộn phẳng đã được dát phủ, mạ hoặc tráng; Sản phẩm thép kỹ thuật điện, thép gió > Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, đã được dát phủ, mạ hoặc tráng. Gồm: Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, được mạ hoặc tráng thiếc; Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân; Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác; Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, được sơn, quét vecni hoặc phủ plastic; Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, được dát phủ; Thép không hợp kim cán phẳng có chiều rộng < 600mm, đã mạ hoặc tráng bằng phương pháp khác (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

TR-003	YELLOW	Có biện pháp PVTM với xuất xứ khác	Chống bán phá giá: Thép mạ – áp dụng cho CN, KR (2310/QĐ-BCT). Xuất xứ đã chọn không nằm trong danh sách nhưng cần lưu ý rủi ro lẩn tránh.	TR-21 · Áp thuế chống bán phá giá đối với Thép mạ (CN, KR)	2310/QĐ-BCT	Lưu giữ hồ sơ chứng minh xuất xứ và nhà sản xuất thực tế.	Căn cứ: HT + cột chính sách mặt hàng BT2026 (nguồn); phạm vi chi tiết chưa xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7212.60.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11238), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Áp thuế CBPG Thép mạ (CN, KR) (2310/QĐ-BCT-2025)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.